

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**CÔNG  
TY CỔ  
PHẦN  
28.1**

Digitally signed by CÔNG  
TY CỔ PHẦN 28.1  
DN: C=VN, L=TPHCM,  
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN  
28.1,  
OID.0.9.2342.19200300.1  
00.1.1=MST:0304484232,  
E=HOTRO@VIETTEL.VN  
Reason: I am the author  
of this document  
Location:  
Date: 2026.03.09  
15:44:45+07'00'  
Foxit PDF Reader  
Version: 12.1.1



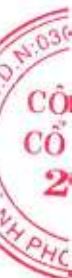
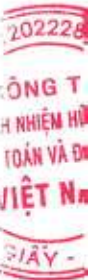
**CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1**

Địa chỉ: Số 3 Nguyễn Oanh, Phường Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09 - 10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 30



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần 28.1 (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

### **Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và đến ngày lập báo cáo này, gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Trần Doãn Thoan	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thiện	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Học	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Thiện	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Học	Phó Giám đốc

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



4842

NG T  
PHÁP  
3.1

HỒ CH

**CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1**

Địa chỉ: Số 03 Nguyễn Oanh, Phường Gò Vấp,  
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

*đính kèm báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025*

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

*(tiếp theo)*

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

*Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,*

**CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1**



**Nguyễn Thiện**

**Giám đốc**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2026*

Số: 2802.03 -26/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2026

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông**  
**Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần 28.1**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần 28.1 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 02 năm 2026, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

# BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Phạm Hùng Sơn**

Phó Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0813-2023-034-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

**Phạm Thị Hiền**

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2449-2023-034-1



Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2025	01/01/2025
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>145.047.321.035</b>	<b>135.967.622.195</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1.</b>	<b>17.229.224.009</b>	<b>40.157.015.524</b>
1. Tiền	111		14.229.224.009	11.157.015.524
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	29.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>48.161.431.655</b>	<b>14.811.444.644</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2.	43.878.725.945	12.531.847.059
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3.	2.864.565.875	2.259.619.569
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4.	1.418.139.835	19.978.016
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.5.</b>	<b>77.056.556.959</b>	<b>78.826.891.496</b>
1. Hàng tồn kho	141		77.056.556.959	78.826.891.496
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.600.108.412</b>	<b>2.172.270.531</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.600.108.412	2.172.270.531
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>15.216.467.512</b>	<b>15.571.929.307</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>10.000.000</b>	<b>10.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.4.	10.000.000	10.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>12.373.900.615</b>	<b>14.956.267.431</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6.	12.215.233.947	14.956.267.431
- Nguyên giá	222		93.718.893.260	93.164.774.908
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(81.503.659.313)	(78.208.507.477)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7.	158.666.668	-
- Nguyên giá	228		170.000.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.333.332)	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.314.814.815</b>	<b>-</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8.	1.314.814.815	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.517.752.082</b>	<b>605.661.876</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9.	1.517.752.082	605.661.876
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>160.263.788.547</b>	<b>151.539.551.502</b>

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>101.901.124.031</b>	<b>94.606.840.246</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>101.901.124.031</b>	<b>94.606.840.246</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10.	64.008.854.763	66.183.747.117
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11.	5.143.831.519	690.340.309
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12.	2.109.950.685	662.394.744
4. Phải trả người lao động	314		24.808.323.107	14.010.738.714
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13.	78.057.308	69.157.322
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14.	1.241.439.269	1.967.495.370
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.15.	-	9.450.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.510.667.380	1.572.966.670
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>58.362.664.516</b>	<b>56.932.711.256</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.16.</b>	<b>58.362.664.516</b>	<b>56.932.711.256</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		48.633.860.000	48.633.860.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		48.633.860.000	48.633.860.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.135.257.619	1.135.257.619
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.593.546.897	7.163.593.637
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		8.593.546.897	7.163.593.637
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>160.263.788.547</b>	<b>151.539.551.502</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Người lập



Lê Thị Oanh

Kế toán trưởng



Tăng Hùng

Giám đốc



Nguyễn Thiện

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

Mẫu số B 02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	384.757.383.278	337.512.371.714
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		384.757.383.278	337.512.371.714
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	340.235.686.568	297.824.970.091
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		44.521.696.710	39.687.401.623
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	3.273.041.174	1.435.073.986
7. Chi phí tài chính	22	VI.4.	303.603.147	238.839.789
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	114.911.871
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7.	2.556.127.176	2.580.792.423
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7.	30.755.120.211	30.432.670.774
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		14.179.887.350	7.870.172.623
11. Thu nhập khác	31	VI.5.	-	3.179.386.350
12. Chi phí khác	32	VI.6.	1.749.448	20.692.301
13. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		(1.749.448)	3.158.694.049
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		14.178.137.902	11.028.866.672
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9.	3.017.687.392	2.398.030.964
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		11.160.450.510	8.630.835.708
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10.	1.766,99	1.250,00

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Người lập



Lê Thị Oanh

Kế toán trưởng



Tăng Hùng

Giám đốc



Nguyễn Thiện

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

Mẫu số B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>14.178.137.902</b>	<b>11.028.866.672</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		3.306.485.168	3.363.163.049
- Các khoản dự phòng	03		(9.450.000.000)	3.950.000.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(199.316.215)	11.284.544
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(367.866.801)	(262.773.817)
- Chi phí lãi vay	06		-	114.911.871
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>7.467.440.054</b>	<b>18.205.452.319</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(33.879.934.744)	11.273.631.499
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.770.334.537	14.575.353.478
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		12.556.959.440	(1.181.771.918)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(912.090.206)	(251.502.485)
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(114.911.871)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.614.194.857)	(1.993.751.546)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		58.610.000	4.320.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(772.174.040)	(445.725.790)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(15.325.049.816)</b>	<b>40.071.093.686</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.038.933.167)	(3.127.529.091)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	91.573.063
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		360.633.925	173.600.754
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1.678.299.242)</b>	<b>(2.862.355.274)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	11.304.990.294
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(14.162.548.821)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.079.232.500)	(1.118.578.780)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(6.079.232.500)</b>	<b>(3.976.137.307)</b>

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

Mẫu số B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(23.082.581.558)	33.232.601.105
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		40.157.015.524	6.804.199.578
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		154.790.043	120.214.841
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1.	17.229.224.009	40.157.015.524

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2026

**CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1**

Người lập



Lê Thị Oanh

Kế toán trưởng



Tăng Hùng

Giám đốc



Nguyễn Thiện



(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

**I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần 28.1 (gọi tắt là "Công ty") là Doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV 28.1 theo Quyết định số 2103/QĐ-BQP ngày 04/06/2015 của Bộ Quốc phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304484232 đăng ký lần đầu ngày 01/08/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty đã có 7 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304484232 thay đổi lần 7 ngày 01/02/2024 thì Vốn điều lệ của Công ty là **48.633.860.000 đồng** (Bốn mươi tám tỷ, sáu trăm ba mươi ba triệu, tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên thị trường UPCOM với mã giao dịch là AG1.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, thương mại và dịch vụ ngành hàng may mặc.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

- Sản xuất hàng may mặc (trừ tấy, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may, đan);
- Mua bán hàng may mặc;
- Mua bán nguyên phụ liệu ngành may;
- Lưu giữ hàng hóa, cho thuê kho bãi./.

Trụ sở Công ty tại: Số 03 Nguyễn Oanh, Phường Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

**6. Số lượng cán bộ nhân viên**

Số lượng nhân viên tại ngày 31/12/2025 là 443 người (Tại ngày 31/12/2024 là 444 người).

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng****1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu****1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong năm bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch Ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn tại thời điểm lập báo cáo tài chính.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

**2. Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**4. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết trả nợ mà doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty không có công nợ khó đòi cần trích lập dự phòng phải thu.

**5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty không có hàng tồn kho cần phải trích lập dự phòng giảm giá.

**6. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ****Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao &lt;năm&gt;</i>
- Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
- Máy móc, thiết bị	05 - 07
- Phương tiện vận tải	06 - 08
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
- TSCĐ khác	03 - 07

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập thuần do thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa tài sản cố định và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí bảo hiểm: Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng theo thời gian của hợp đồng.

Chi phí sửa chữa lớn thể hiện các chi phí chính phát sinh định kỳ trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.

**8. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả**

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty đã đánh giá lại số dư công nợ phải trả có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch thực tế bán ra của Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản trích trước chi phí tiền điện là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

**11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hóa may mặc, vải tiết kiệm, doanh thu dịch vụ gia công, doanh thu cho thuê kho và doanh thu khác.

***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

***Doanh thu tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

**13. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, lỗ chênh lệch tỷ giá.

**14. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

**Các nghĩa vụ về thuế**

***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)***

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

***Thuế khác***

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

**17. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.



Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**18. Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo khu vực địa lý là Việt Nam ("trong nước") và ở các nước khác ngoài Việt Nam ("xuất khẩu"). Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo khu vực địa lý.

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Tiền</b>	<b>14.229.224.009</b>	<b>11.157.015.524</b>
Tiền mặt	239.325.548	176.091.744
Tiền gửi ngân hàng	13.989.898.461	10.980.923.780
<b>Các khoản tương đương tiền (*)</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>29.000.000.000</b>
<b>Cộng</b>	<b>17.229.224.009</b>	<b>40.157.015.524</b>

(\*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng với lãi suất 4% tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn.

**2. Phải thu của khách hàng**

	Đơn vị tính: VND			
	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Lever Style Limited	31.749.172.807	-	3.490.935.154	-
Topsun Garment Limited	9.108.388.472	-	1.598.421.159	-
Công ty Cổ phần Thời trang Kowil Việt Nam	-	-	3.096.411.870	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Ngân Hà	-	-	1.811.010.876	-
Công ty TNHH T.M.G	2.922.020.666	-	1.287.623.900	-
Các đối tượng khác	99.144.000	-	1.247.444.100	-
<b>Cộng</b>	<b>43.878.725.945</b>	<b>-</b>	<b>12.531.847.059</b>	<b>-</b>

b) **Phải thu của khách hàng là các bên liên quan:** Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**3. Trả trước cho người bán**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Jiangsu Kinda Wool Textile Co.,Ltd	2.226.648.734	1.490.554.582
Công ty TNHH Bùi Gia M&E	-	346.020.987
Các đối tượng khác	637.917.141	423.044.000
<b>Cộng</b>	<b>2.864.565.875</b>	<b>2.259.619.569</b>

**4. Phải thu khác**

	Đơn vị tính: VND			
	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.418.139.835</b>	-	<b>19.978.016</b>	-
Phải thu khác	1.408.139.835	-	9.978.016	-
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	1.310.495.232	-	-	-
Lãi dự thu tiền gửi	7.232.876	-	-	-
Các khoản phải thu khác	90.411.727	-	9.978.016	-
Tạm ứng	10.000.000	-	10.000.000	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>10.000.000</b>	-	<b>10.000.000</b>	-
Ký cược, ký quỹ	10.000.000	-	10.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.428.139.835</b>	-	<b>29.978.016</b>	-

**c) Phải thu khác của các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2****5. Hàng tồn kho**

	Đơn vị tính: VND			
	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	3.498.414.134	-	281.627.065	-
Nguyên liệu, vật liệu	27.413.401.496	-	30.414.293.709	-
Công cụ, dụng cụ	38.341.954	-	51.951.868	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.892.654.386	-	10.365.556.227	-
Thành phẩm	36.041.344.949	-	33.873.281.041	-
Hàng gửi đi bán	172.400.040	-	3.840.181.586	-
<b>Cộng</b>	<b>77.056.556.959</b>	-	<b>78.826.891.496</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1**

Địa chỉ: Số 03 Nguyễn Oanh, Phường Gò Vấp,

TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**Mẫu số B 09 - DN****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND Cộng
<i>Nguyên giá</i>						
Số dư ngày 01/01/2025	26.257.141.171	60.037.530.873	3.633.760.685	258.070.000	2.978.272.179	93.164.774.908
Mua trong năm	-	554.118.352			-	554.118.352
Số dư ngày 31/12/2025	26.257.141.171	60.591.649.225	3.633.760.685	258.070.000	2.978.272.179	93.718.893.260
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>						
Số dư ngày 01/01/2025	20.816.893.816	52.134.130.945	2.182.669.425	96.541.112	2.978.272.179	78.208.507.477
Khấu hao trong năm	659.139.180	2.292.658.060	282.781.260	60.573.336	-	3.295.151.836
Số dư ngày 31/12/2025	21.476.032.996	54.426.789.005	2.465.450.685	157.114.448	2.978.272.179	81.503.659.313
<i>Giá trị còn lại</i>						
Tại ngày 01/01/2025	5.440.247.355	7.903.399.928	1.451.091.260	161.528.888	-	14.956.267.431
Tại ngày 31/12/2025	4.781.108.175	6.164.860.220	1.168.310.000	100.955.552	-	12.215.233.947

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 51.841.567.320 VND (Tại ngày 31/12/2024 là 44.165.467.400 VND).



Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**7. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Đơn vị tính: VND	
	Phần mềm máy tính	Cộng
<i>Nguyên giá</i>		
Số dư ngày 01/01/2025	-	-
Mua trong năm	170.000.000	170.000.000
Số dư ngày 31/12/2025	170.000.000	170.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		
Số dư ngày 01/01/2025	-	-
Khấu hao trong năm	11.333.332	11.333.332
Số dư ngày 31/12/2025	11.333.332	11.333.332
<i>Giá trị còn lại</i>		
Tại ngày 01/01/2025	-	-
Tại ngày 31/12/2025	158.666.668	158.666.668

**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<i>- Mua sắm TSCĐ</i>		
Phần mềm Quản trị doanh nghiệp - Tre (ERP Tre) (*)	600.000.000	-
Xe ô tô tải Hini XZU71L-WKFMS3/DPT-TK	714.814.815	-
<b>Cộng</b>	<b>1.314.814.815</b>	<b>-</b>

(\*) Dự án đầu tư mua sắm phần mềm quản lý ERP được thực hiện theo quyết định số 09/QĐ-CTCP ngày 10/01/2025 với tổng mức đầu tư là 1,94 tỷ VND bằng vốn tự có. Phần mềm bao gồm các phân hệ: đơn hàng - kho, nhân sự, sản xuất - chất lượng, kỹ thuật - công nghệ, xuất nhập khẩu, quản lý thiết bị tài sản. Thời gian thực hiện các công việc triển khai các phân hệ là 330 ngày kể từ ngày 26/02/2025. Tính đến ngày 31/12/2025, các phân hệ vẫn đang trong quá trình thực hiện.

**9. Chi phí trả trước**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<i>Dài hạn</i>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	106.516.671	222.716.667
Chi phí sửa chữa tài sản	1.411.235.411	382.945.209
<b>Cộng</b>	<b>1.517.752.082</b>	<b>605.661.876</b>

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**10. Phải trả người bán**

	Đơn vị tính: VND			
	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Lever Style Limited	25.042.209.324	25.042.209.324	47.068.349.481	47.068.349.481
Topsun Garment Limited	16.894.080.494	16.894.080.494	10.947.739.110	10.947.739.110
The Mint Group Limited	13.554.349.781	13.554.349.781	-	-
Các đối tượng khác	8.518.215.164	8.518.215.164	8.167.658.526	8.167.658.526
<b>Cộng</b>	<b>64.008.854.763</b>	<b>64.008.854.763</b>	<b>66.183.747.117</b>	<b>66.183.747.117</b>

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

11. Người mua trả tiền trước	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
The Mint Group Limited	3.128.997.178	-
APG & Co., Pty Ltd	451.192.693	457.526.915
Oktava Limited	1.002.632.675	87.593.354
Các đối tượng khác	561.008.973	145.220.040
<b>Cộng</b>	<b>5.143.831.519</b>	<b>690.340.309</b>

**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2025
<b>Phải nộp</b>				
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	277.849.644	277.849.644	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	45.283.366	45.283.366	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	614.194.857	3.017.687.392	1.614.194.857	2.017.687.392
Thuế thu nhập cá nhân	48.199.887	341.467.716	297.404.310	92.263.293
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.350.000	4.350.000	-
<b>Cộng</b>	<b>662.394.744</b>	<b>3.686.638.118</b>	<b>2.239.082.177</b>	<b>2.109.950.685</b>

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

13. Chi phí phải trả	31/12/2025	01/01/2025		
	VND	VND		
<i>Ngắn hạn</i>				
Trích trước tiền điện	78.057.308	69.157.322		
<b>Cộng</b>	<b>78.057.308</b>	<b>69.157.322</b>		
14. Phải trả khác	31/12/2025	01/01/2025		
	VND	VND		
<i>Ngắn hạn</i>				
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	563.559.673	594.339.097		
Các khoản phải trả, phải nộp khác	444.279.596	1.124.556.273		
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	-	823.013.751		
Các khoản phải trả, phải nộp khác	444.279.596	301.542.522		
Nhận ký quỹ, ký cược	233.600.000	248.600.000		
<b>Cộng</b>	<b>1.241.439.269</b>	<b>1.967.495.370</b>		
b) <i>Phải trả khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2</i>				
15. Dự phòng phải trả	31/12/2025	01/01/2025		
	VND	VND		
<i>Ngắn hạn</i>				
Dự phòng tiền lương	-	9.450.000.000		
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>9.450.000.000</b>		
16. Vốn chủ sở hữu				
a) <b>Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu</b>	Đơn vị tính: VND			
Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2024	48.633.860.000	1.135.257.619	1.118.578.780	50.887.696.399
Lãi trong năm trước	-	-	8.630.835.708	8.630.835.708
Tạm trích các quỹ	-	-	(1.467.242.071)	(1.467.242.071)
Chia cổ tức	-	-	(1.118.578.780)	(1.118.578.780)
Số dư tại ngày 31/12/2024	48.633.860.000	1.135.257.619	7.163.593.637	56.932.711.256
Lãi trong năm nay	-	-	11.160.450.510	11.160.450.510
Tạm trích các quỹ (*)	-	-	(2.566.903.617)	(2.566.903.617)
Trích bổ sung các quỹ năm 2024 (*)	-	-	(1.084.361.133)	(1.084.361.133)
Chia cổ tức (*)	-	-	(6.079.232.500)	(6.079.232.500)
Số dư tại ngày 31/12/2025	48.633.860.000	1.135.257.619	8.593.546.897	58.362.664.516

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- (\*) Công ty thực hiện chi trả cổ tức, trích quỹ khen thưởng từ lợi nhuận năm 2024 và tạm trích các quỹ năm 2025 theo tỷ lệ kế hoạch đã được thông qua tại Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông ngày 10/4/2025.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	31.612.010.000	31.612.010.000
Các cổ đông khác	17.021.850.000	17.021.850.000
<b>Cộng</b>	<b>48.633.860.000</b>	<b>48.633.860.000</b>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	48.633.860.000	48.633.860.000
Vốn góp cuối năm	48.633.860.000	48.633.860.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>6.079.232.500</b>	<b>1.118.578.780</b>

d) Cổ phiếu	31/12/2025	01/01/2025
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.863.386	4.863.386
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.863.386	4.863.386
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.863.386	4.863.386
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.863.386	4.863.386
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.863.386	4.863.386
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

**17. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán**

a) Tài sản nhận giữ hộ, gia công	Đơn vị tính	31/12/2025	01/01/2025
Vải các loại	Mét	25.296,01	31.538,45
Nguyên liệu khác	Mét	1.223,96	6.473,49
Nhân các loại	Cái	14.017,00	87.980,00
Phụ liệu các loại	Bộ	969,00	2.271,00
Phụ liệu các loại	Cái	20.110,60	119.368,40
Phụ liệu các loại	Cặp	822,00	4.147,00
Phụ liệu các loại	Cuộn	416,00	1.630,00
Phụ liệu các loại	Mét	7.935,98	53.733,70
Phụ liệu các loại	Miếng	-	3.523,00
Phụ liệu các loại	Tờ	-	3.150,00

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

b) Ngoại tệ các loại	31/12/2025	01/01/2025
USD	491.111,15	359.030,58

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>a) Doanh thu</b>		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm, gia công	381.994.087.102	334.884.298.175
Doanh thu cho thuê BĐS	2.231.707.999	2.087.880.000
Doanh thu khác	531.588.177	540.193.539
<b>Cộng</b>	<b>384.757.383.278</b>	<b>337.512.371.714</b>
<b>b) Doanh thu với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2</b>		

**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm, gia công	338.804.849.990	296.315.525.377
Giá vốn cho thuê BĐS	920.016.401	1.008.639.148
Giá vốn hoạt động khác	510.820.177	500.805.566
<b>Cộng</b>	<b>340.235.686.568</b>	<b>297.824.970.091</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi	367.866.801	173.600.754
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.704.555.884	1.261.473.232
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	199.316.215	-
Doanh thu tài chính khác	1.302.274	-
<b>Cộng</b>	<b>3.273.041.174</b>	<b>1.435.073.986</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí lãi vay	-	114.911.871
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	303.603.147	112.643.374
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	-	11.284.544
<b>Cộng</b>	<b>303.603.147</b>	<b>238.839.789</b>

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***5. Thu nhập khác**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thu nhập từ xử lý công nợ không phải trả	-	3.076.230.795
Thanh lý tài sản cố định	-	89.173.063
Thanh lý công cụ dụng cụ	-	13.982.492
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>3.179.386.350</b>

**6. Chi phí khác**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế	1.749.448	20.692.301
<b>Cộng</b>	<b>1.749.448</b>	<b>20.692.301</b>

**7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
<b>a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>	<b>2.556.127.176</b>	<b>2.580.792.423</b>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.078.830.816	1.814.194.620
Chi phí bằng tiền khác	477.296.360	766.597.803
<b>b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>	<b>35.496.233.414</b>	<b>33.839.020.267</b>
Chi phí nhân viên quản lý	26.855.824.941	16.788.478.895
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.469.371.320	1.621.900.327
Chi phí khấu hao TSCĐ	336.769.456	282.183.372
Thuế, phí và lệ phí	366.284.943	186.775.116
Chi phí dự phòng	-	9.450.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.694.144.400	2.448.079.713
Chi phí bằng tiền khác	3.773.838.354	3.061.602.844
<b>c) Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>(4.741.113.203)</b>	<b>(3.406.349.493)</b>
Hoàn nhập dự phòng quỹ tiền lương	(4.741.113.203)	(3.406.349.493)

**8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	249.264.627.548	212.946.206.251
Chi phí nhân công	78.850.308.526	75.873.172.906
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.306.485.168	3.363.163.049
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.362.310.224	6.745.576.911
Chi phí khác bằng tiền	27.257.682.570	25.584.946.396
<b>Cộng</b>	<b>373.041.414.036</b>	<b>324.513.065.513</b>

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	14.178.137.902	11.028.866.672
Các khoản thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	470.426.452	961.644.620
Các khoản điều chỉnh khác	439.872.607	(141.083.913)
Lỗ được chuyển và bù trừ lãi lỗ các hoạt động	-	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	15.088.436.961	11.849.427.379
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.017.687.392	2.369.885.476
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	28.145.488
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>3.017.687.392</b>	<b>2.398.030.964</b>
10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2025	Năm 2024
	VND	(Trình bày lại) VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.160.450.510	8.630.835.708
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(2.566.903.617)	(2.551.603.204)
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>(2.566.903.617)</i>	<i>(2.551.603.204)</i>
- Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(2.566.903.617)	(2.551.603.204)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.593.546.893	6.079.232.504
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.863.386	4.863.386
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (**)	1.766,99	1.250,00

(\*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính 2024 là số liệu thực tế Công ty đã trích theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/4/2025 của Công ty. Số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2025 được tạm tính theo tỷ lệ kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/4/2025 của Công ty.

(\*\*) Do trên Báo cáo tài chính năm 2024 Công ty đã tạm ước tính số trích quỹ khen thưởng phúc lợi nhưng số liệu trích quỹ được công bố chính thức tại kỳ họp Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ khác với số đã công bố trên Báo cáo tài chính năm 2024 nên Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi. Cụ thể như sau:

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Đơn vị tính: VND

	Năm 2024		
	Số trước điều chỉnh	Điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	8.630.835.708	-	8.630.835.708
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(1.467.242.071)	(1.084.361.133)	(2.551.603.204)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.467.242.071)	(1.084.361.133)	(2.551.603.204)
- Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(1.467.242.071)	(1.084.361.133)	(2.551.603.204)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.163.593.637	(1.084.361.133)	6.079.232.504
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.863.386	-	4.863.386
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.472,96	(222,96)	1.250,00
Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.			

**VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

1. Số tiền đi vay thực thu trong năm	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	-	11.304.990.294
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>11.304.990.294</b>
2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	-	14.162.548.821
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>14.162.548.821</b>

**VIII. Những thông tin khác****1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

***Danh sách các bên liên quan*****Bên liên quan**

Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28  
 Công ty Cổ phần 28 Quảng Ngãi  
 Công ty Cổ phần 28 Hưng Phú  
 Công ty Cổ phần Bình Phú  
 Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 - Công ty kinh doanh thời trang  
 Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 - Xí nghiệp May đo Quân đội  
 Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 - Công ty xăng dầu 28  
 Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 - Chi nhánh Cần Thơ  
 Các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này

**Mối quan hệ**

Công ty mẹ  
 Cùng Công ty mẹ  
 Cùng Công ty mẹ  
 Công ty liên kết của Công ty mẹ  
 Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ  
 Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ  
 Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ  
 Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ  
 Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ  
 Ảnh hưởng đáng kể

**a) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Mua hàng</b>	<b>4.320.184.046</b>	<b>2.443.726.890</b>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	22.847.880	723.780.314
Công ty Cổ phần Bình Phú	67.719.300	193.565.878
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 - Công ty kinh doanh thời trang	18.710.000	66.983.334
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 - Công ty xăng dầu 28	280.776.256	-
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 - Xí nghiệp may đo Quân đội	3.213.230.610	1.241.897.364
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 - Chi nhánh Cần Thơ	716.900.000	217.500.000
<b>Bán hàng</b>	<b>3.276.104.720</b>	<b>3.291.491.852</b>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	886.332.720	1.187.166.412
Công ty Cổ phần 28 Hưng Phú	-	16.239.825
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 - Công ty kinh doanh thời trang	2.387.112.000	2.042.715.245
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 - Công ty xăng dầu 28	2.660.000	-
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 - Chi nhánh Cần Thơ	-	45.370.370
<b>Chia cổ tức</b>	<b>3.951.501.250</b>	<b>727.076.230</b>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	3.951.501.250	727.076.230

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***b) Số dư với các bên liên quan**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	-	1.540.810.374
Công ty Cổ phần Bình Phú	-	86.211.216
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 - Công ty kinh doanh thời trang	-	80.883.000
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 - Xí nghiệp may đo Quân đội	-	1.373.716.158
<b>Phải trả người bán</b>	29.191.890	37.867.399
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 - Công ty xăng dầu 28	29.191.890	25.717.399
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 - Công ty kinh doanh thời trang	-	12.150.000
<b>Phải thu khác</b>	1.310.495.232	-
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	1.310.495.232	-
<b>Phải trả khác</b>	-	823.013.751
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	-	823.013.751

**c) Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong năm như sau:**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt	1.533.736.570	1.087.386.340
Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	144.000.000	144.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.677.736.570</b>	<b>1.231.386.340</b>

Chi tiết thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm:

<b>Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị</b>		<b>96.000.000</b>	<b>96.000.000</b>
Ông Trần Doãn Thoan	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 28/3/2024)	48.000.000	42.000.000
Ông Nguyễn Trường Sơn	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 28/3/2024)	-	12.000.000
Ông Nguyễn Thiện	Thành viên	24.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Văn Học	Thành viên	24.000.000	18.000.000
<b>Thu nhập của các thành viên Ban Giám đốc</b>		<b>1.533.736.570</b>	<b>1.087.386.340</b>
Ông Nguyễn Thiện	Giám đốc	611.978.113	441.396.069
Ông Nguyễn Văn Học	Phó Giám đốc	510.984.725	335.701.422
Ông Tăng Hùng	Kế toán trưởng	410.773.732	310.288.849

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Thù lao của Ban kiểm soát		48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Hữu Phước	Trưởng Ban kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 10/4/2025)	18.000.000	-
Ông Hoàng Mạnh Cường	Trưởng Ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 10/4/2025)	6.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Thanh Định	Thành viên Ban kiểm soát	12.000.000	12.000.000
Ông Trần Mạnh Cường	Thành viên Ban kiểm soát	12.000.000	12.000.000

**3. Báo cáo bộ phận**

Công ty hoạt động trong hai khu vực địa lý, dựa vào vị trí địa lý của các khách hàng Việt Nam ("trong nước") hay ở các nước khác ngoài Việt Nam ("xuất khẩu"). Công ty lập báo cáo bộ phận theo hai (02) bộ phận này.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025**

	Xuất khẩu VND	Trong nước VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần	327.415.334.734	57.342.048.544	384.757.383.278
Giá vốn hàng bán	292.638.391.274	47.597.295.294	340.235.686.568
Lợi nhuận gộp	34.776.943.460	9.744.753.250	44.521.696.710

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024**

	Xuất khẩu VND	Trong nước VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần	278.371.613.703	59.140.758.011	337.512.371.714
Giá vốn hàng bán	250.065.452.935	47.759.517.156	297.824.970.091
Lợi nhuận gộp	28.306.160.768	11.381.240.855	39.687.401.623

**4. Thông tin so sánh**

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lê Thị Oanh



Tăng Hùng



Nguyễn Thiện